

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 33

39
ÔN
T
-T
M
T.T.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Thái	Phó chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên
Ông Mai Nam Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Quý	Thành viên
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng bộ phận - Bổ nhiệm ngày 14/01/2022
Ông Trần Quang Thục	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 14/01/2022
Bà Huỳnh Thị Quế Hương	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 14/01/2022

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Số: 42/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227.985.046.446	219.882.612.901
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	21.156.279.261	43.521.534.363
1. Tiền	111		21.156.279.261	13.486.090.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.035.444.362
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.071.736.582	108.532.659.919
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	74.840.180.281	65.745.042.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	46.374.001.489	42.454.713.787
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	28.571.118.786	20.408.184.673
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(20.713.563.974)	(20.075.280.778)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	77.321.980.483	66.866.275.138
1. Hàng tồn kho	141		78.872.785.352	68.417.080.007
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		435.050.120	962.143.481
1. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	435.050.120	962.143.481
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		424.811.302.247	340.722.412.627
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.248.117.095	1.728.088.417
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.248.117.095	1.728.088.417
II. Tài sản cố định	220		323.384.939.315	238.842.844.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	316.132.756.455	231.490.007.104
Nguyên giá	222		638.425.400.515	528.520.775.404
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(322.292.644.060)	(297.030.768.300)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	7.252.182.860	7.352.837.492
Nguyên giá	228		12.052.846.299	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.800.663.439)	(4.700.008.807)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.431.631.084	5.374.007.403
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	3.431.631.084	5.374.007.403
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		78.213.640.000	77.873.640.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	78.213.640.000	77.873.640.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.532.974.753	16.903.832.211
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	17.532.974.753	16.903.832.211
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		652.796.348.693	560.605.025.528

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		215.118.779.002	175.035.956.859
I. Nợ ngắn hạn	310		215.118.779.002	175.035.956.859
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	108.497.622.007	87.583.855.501
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	43.344.602.514	46.380.324.133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	16.841.224.906	15.999.476.844
4. Phải trả người lao động	314		25.986.824.142	21.066.929.964
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	7.759.839.771	1.193.255.794
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.170.875.848	2.294.324.809
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	10.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		517.789.814	517.789.814
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		437.677.569.691	385.569.068.669
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	437.677.569.691	385.569.068.669
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.570.786.237	60.570.786.237
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		214.998.282.432	155.809.763.831
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.108.501.022	69.188.518.601
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		62.108.501.022	69.188.518.601
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		652.796.348.693	560.605.025.528

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	478.871.108.307	367.782.528.086
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		478.871.108.307	367.782.528.086
3. Giá vốn hàng bán	11	4.21	372.121.839.552	288.507.499.976
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.749.268.755	79.275.028.110
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	12.718.792.901	13.529.577.085
6. Chi phí tài chính	22	4.23	151.237.055	170.484.588
Trong đó, chi phí lãi vay	23		119.914.939	-
7. Chi phí bán hàng	25	4.24	1.226.706.847	1.123.320.304
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	43.987.325.016	34.511.572.862
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.102.792.738	56.999.227.441
10. Thu nhập khác	31	4.26	797.561.444	840.621.897
11. Chi phí khác	32	4.27	243.834.771	42.208.807
12. Lợi nhuận khác	40		553.726.673	798.413.090
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.656.519.411	57.797.640.531
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	12.548.018.389	9.012.102.205
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.108.501.022	48.785.538.326

Phê duyệt

**Nguyễn An Thái**
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		74.656.519.411	57.797.640.531
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.8	30.505.211.865	25.454.310.617
Các khoản dự phòng	03		638.283.196	626.251.939
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		12.984.294	7.560.755
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.168.171.633)	(14.110.419.880)
Chi phí lãi vay	06		119.914.939	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		92.764.742.072	69.775.343.962
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.808.010.368)	(16.503.261.112)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.455.705.345)	1.217.162.798
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.994.175.349	50.497.322.858
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(629.142.542)	1.607.704.470
Tiền lãi vay đã trả	14		(119.914.939)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(1.842.574.172)	(2.964.019.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.903.570.055	103.630.253.550
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(107.531.134.673)	(62.747.626.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.790.909.091	910.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(340.000.000)	(23.589.940.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.801.817.338	2.959.205.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(96.278.408.244)	(82.468.361.310)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	27.685.916.384	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(17.685.916.384)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.18.1	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(10.000.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(22.374.838.189)	11.161.892.240
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		43.521.534.363	31.807.560.969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.583.087	(25.874.339)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	21.156.279.261	42.943.578.870

Phê duyệt

Người lập



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 05 năm 2019 để tăng vốn điều lệ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 91/UBCK-GPNY ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 570 (01 tháng 01 năm 2022 là: 536).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	94,39%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Thửa đất 239, 289 TĐĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc Lộ 20, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, xã Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Vận Tải	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2021.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	655.437.820	786.088.044
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.500.841.441	12.700.001.957
Các khoản tương đương tiền	-	30.035.444.362
Cộng	21.156.279.261	43.521.534.363

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	20.403.640.000	(*)	-	20.073.640.000	(*)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.000.000.000	(*)	-	5.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	52.800.000.000	(*)	-	52.800.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	10.000.000	(*)	-	-	(*)	-
Cộng	78.213.640.000		-	77.873.640.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	9.829.900.737	9.076.218.244
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Phát Triển Hạ Tầng Bình Thuận	-	7.515.410.000
Các khách hàng khác (*)	56.207.716.489	40.350.850.938
Cộng	74.840.180.281	65.745.042.237

(*) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản phải thu khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	4.512.000.000	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Công nghệ mới Nguyễn Vinh	-	5.740.458.020
Nguyễn Viết Lương (*)	8.195.416.799	8.195.416.799
Công ty Cổ phần Kinh doanh VMPC (**)	12.078.000.000	9.429.714.250
Công ty TNHH Bảo Nghi (***)	6.675.593.590	-
Công ty Nhập Turbine điện Global	4.972.330.650	2.123.801.400
Các nhà cung cấp khác (****)	9.940.660.450	12.453.323.318
Cộng	46.374.001.489	42.454.713.787

(*) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019.

(**) Là khoản trả trước mua tài sản cố định theo Hợp đồng kinh tế số 210716/VMPC-LBM, ký ngày 16 tháng 07 năm 2021.

(***) Là khoản trả trước mua cát theo Hợp đồng kinh tế số 05/2022/HĐ/LBM, ký ngày 18 tháng 03 năm 2022.

(****) Tại ngày 30/6/2022, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	18.041.917.613	-	14.129.972.063	-
Phải thu người lao động là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	4.600.000.000	-	-	-
Phải thu khác xí nghiệp xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	694.126.867	-	1.037.380.972	-
Phải thu khác	809.200.440	(83.077.324)	814.957.772	(83.170.158)
Cộng	<u>28.571.118.786</u>	<u>(4.508.951.190)</u>	<u>20.408.184.673</u>	<u>(4.509.044.024)</u>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.248.117.095	-	1.728.088.417	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	19.547.480.880	3.342.868.096	18.513.818.279	2.947.581.525
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.510.476.190	1.525.000	4.510.785.638	1.741.614
Cộng	<u>24.057.957.070</u>	<u>3.344.393.096</u>	<u>23.024.603.917</u>	<u>2.949.323.139</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp do một số khách hàng không thể liên lạc được và một số khách hàng đang tranh chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	15.255.394.015	3.344.393.096		14.222.040.862	2.949.323.139	
Cộng	24.057.957.070	3.344.393.096		23.024.603.917	2.949.323.139	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	50.378.038.349	-	38.893.775.728	-
Công cụ, dụng cụ	871.225.744	-	748.511.170	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.214.889.686	-	2.785.863.595	-
Thành phẩm	23.818.827.043	(835.242.862)	24.311.528.517	(835.242.862)
Hàng hóa	1.589.804.530	(715.562.007)	1.677.400.997	(715.562.007)
Cộng	78.872.785.352	(1.550.804.869)	68.417.080.007	(1.550.804.869)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2022	74.555.772.048	238.368.800.205	213.065.593.968	1.473.589.425	520.611.939	536.407.819	528.520.775.404
Mua trong kỳ	4.296.766.338	46.589.450.467	58.076.020.205	390.909.090	-	-	109.353.146.100
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.987.306.159	6.043.354.671	-	-	-	-	8.030.660.830
Phân loại lại	335.590.910	(333.772.728)	-	218.181.818	-	(220.000.000)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.479.181.819)	-	-	-	-	(7.479.181.819)
Tại ngày 30/06/2022	81.175.435.455	283.188.650.796	271.141.614.173	2.082.680.333	520.611.939	316.407.819	638.425.400.515
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2022	38.495.671.523	140.533.624.465	116.542.154.292	622.298.262	520.611.939	316.407.819	297.030.768.300
Khấu hao trong kỳ	2.932.915.607	11.572.146.971	15.757.947.754	141.546.901	-	-	30.404.557.233
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.142.681.473)	-	-	-	-	(5.142.681.473)
Tại ngày 30/06/2022	41.428.587.130	146.963.089.963	132.300.102.046	763.845.163	520.611.939	316.407.819	322.292.644.060
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2022	36.060.100.525	97.835.175.740	96.523.439.676	851.291.163	-	220.000.000	231.490.007.104
Tại ngày 30/06/2022	39.746.848.325	136.225.560.833	138.841.512.127	1.318.835.170	-	-	316.132.756.455

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 156.019.105.899 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thăm dò hàm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Tại ngày 30/06/2022	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2022	1.734.413.709	2.528.795.098	436.800.000	4.700.008.807
Khấu hao trong kỳ	100.654.632	-	-	100.654.632
Tại ngày 30/06/2022	1.835.068.341	2.528.795.098	436.800.000	4.800.663.439
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2022	7.352.837.492	-	-	7.352.837.492
Tại ngày 30/06/2022	7.252.182.860	-	-	7.252.182.860

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.086.381.098 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Lắp đặt hệ nghiền Tây Đại Lào	1.061.311.959	3.767.979.730
Dự án Hiệp An	877.038.234	622.500.518
Chi phí khác	1.493.280.891	983.527.155
Cộng	3.431.631.084	5.374.007.403

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	15.768.678.130	16.239.025.029
Chi phí khác	1.764.296.623	664.807.182
Cộng	17.532.974.753	16.903.832.211

Trong đó, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Quyền khai thác mỏ Tam Bồ	-	5.476.086
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	-	281.912.063
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.106.784.705	1.042.674.751
Quyền khai thác mỏ Tutra	216.820.067	216.820.067
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	14.445.073.358	14.692.142.062
Cộng	15.768.678.130	16.239.025.029

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	70.750.872.441	70.750.872.441	51.416.632.928	51.416.632.928
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	8.815.408.450	8.815.408.450	7.243.902.935	7.243.902.935
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	9.679.325.706	9.679.325.706	7.359.694.006	7.359.694.006
Phải trả cho các đối tượng khác	19.252.015.410	19.252.015.410	21.563.625.632	21.563.625.632
Cộng	108.497.622.007	108.497.622.007	87.583.855.501	87.583.855.501

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32 (*)	31.982.443.308	38.337.720.318
Công ty Cổ Phần Phước Hòa	5.023.801.400	-
Các khách hàng khác	6.338.357.806	8.042.603.815
Cộng	43.344.602.514	46.380.324.133

(*) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan, bao gồm:

- Khoản trả tiền trước từ Công Ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng liên quan đến việc bán bê tông trộn sẵn theo Hợp đồng cung cấp vật tư số 152-03/2022/HĐKT ngày 04 tháng 01 năm 2022.
- Khoản trả tiền trước từ Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành liên quan đến việc sử dụng vốn theo bằng Thỏa thuận số 01/2022/LBM-HT ngày 02 tháng 01 năm 2022 với chi phí sử dụng là 3%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.032.021.820	6.082.538.366	10.170.057.641	-	6.119.541.095
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	682.136.741	682.136.741	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.743.300.736	12.548.018.389	1.842.574.172	962.143.481	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	100.000.000	1.648.552.366	1.948.552.366	-	400.000.000
Thuế tài nguyên	-	4.729.062.710	9.619.861.277	8.073.055.769	-	3.182.257.202
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	435.050.120	-	3.450.137.378	9.004.150.065	-	5.118.962.567
Các loại thuế khác	-	236.839.640	1.301.653.112	2.243.529.452	-	1.178.715.980
Cộng	435.050.120	16.841.224.906	35.332.897.629	33.964.056.206	962.143.481	15.999.476.844

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí vật tư kho cát	5.359.618.181	-
Chi phí phải trả hoàn nguyên môi trường	2.015.339.885	1.193.255.794
Các khoản phải trả khác	384.881.705	-
Cộng	<u>7.759.839.771</u>	<u>1.193.255.794</u>

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	517.608.846	455.092.986
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.653.267.002	1.839.231.823
Cộng	<u>2.170.875.848</u>	<u>2.294.324.809</u>

4.17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có hạn mức là 50.000.000.000 VND và chịu lãi suất 5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	100.000.000.000	60.570.786.237	118.176.340.544	47.633.423.287	326.380.550.068
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	48.785.538.326	48.785.538.326
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-LBM	-	-	37.633.423.287	(37.633.423.287)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	100.000.000.000	60.570.786.237	155.809.763.831	48.785.538.326	365.166.088.394
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	35.402.980.275	35.402.980.275
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	60.570.786.237	155.809.763.831	69.188.518.601	385.569.068.669
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	62.108.501.022	62.108.501.022
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-LBM	-	-	59.188.518.601	(59.188.518.601)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2022	100.000.000.000	60.570.786.237	214.998.282.432	62.108.501.022	437.677.569.691

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vốn góp của công ty mẹ	64.900.860.000	64.900.860.000
Vốn góp của các đối tượng khác	35.099.140.000	35.099.140.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	155.809.763.831
Trích trong kỳ từ lợi nhuận năm 2021	59.188.518.601
Tại ngày 30/06/2022	214.998.282.432

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
USD	8.746,00	8.745,92
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	3.856.779.443	3.856.779.443

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng Công ty	32.380.906.301	34.385.358.327
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt – Xí nghiệp Hiệp An	16.759.809.943	14.573.181.156
Doanh thu gạch – Xí nghiệp Thạnh Mỹ	15.537.401.342	13.104.775.099
Doanh thu cao lanh – Xí nghiệp Hiệp Tiến	5.261.862.546	7.675.735.651
Doanh thu bê tông – Xí nghiệp Hiệp Lực	408.931.128.175	298.043.477.853
Cộng	<u>478.871.108.307</u>	<u>367.782.528.086</u>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	16.486.387.613	23.837.900.995

Doanh thu kỳ này tăng hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu là do sản lượng bê tông tiêu thụ trong kỳ tăng hơn 37% so với cùng kỳ năm trước.

4.21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng công ty	24.312.750.849	27.637.758.507
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt – Xí nghiệp Hiệp An	12.714.282.800	10.877.068.624
Giá vốn gạch – Xí nghiệp Thạnh Mỹ	10.679.304.222	9.377.257.227
Giá vốn cao lanh – Xí nghiệp Hiệp Tiến	4.491.484.455	5.548.167.888
Giá vốn bê tông – Xí nghiệp Hiệp Lực	319.924.017.226	235.067.247.730
Cộng	<u>372.121.839.552</u>	<u>288.507.499.976</u>

Giá vốn kỳ này tăng tương ứng với doanh thu tăng trong kỳ.

4.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	38.517.338	215.988.723
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm Mục 4.32	12.675.245.550	13.313.588.362
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.030.013	-
Cộng	<u>12.718.792.901</u>	<u>13.529.577.085</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	119.914.939	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.984.294	170.014.197
Chi phí tài chính khác	18.337.822	470.391
Cộng	151.237.055	170.484.588

4.24. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	115.513.368	154.455.857
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	884.000.048	749.888.961
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.766.666	14.766.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.688.826	94.266.094
Chi phí bằng tiền khác	137.737.939	109.942.726
Cộng	1.226.706.847	1.123.320.304

4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	32.512.067.200	24.212.272.854
Chi phí vật liệu quản lý	1.165.516.700	774.218.352
Chi phí đồ dùng văn phòng	381.055.493	558.758.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.634.233.748	2.859.106.580
Thuế, phí và lệ phí	778.556.127	498.431.812
Chi phí dự phòng	638.283.196	626.251.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.040.436.022	811.633.327
Chi phí bằng tiền khác	3.837.176.530	4.170.899.532
Cộng	43.987.325.016	34.511.572.862

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này tăng hơn 27% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do chi phí nhân viên quản lý tăng hơn 34%, lợi nhuận tăng dẫn đến quỹ lương kế hoạch dự kiến tăng.

4.26. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	454.408.745	580.842.795
Xử lý công nợ	43.152.699	259.779.102
Bán phế liệu	300.000.000	-
Cộng	797.561.444	840.621.897

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.27. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản ủng hộ	200.000.000	-
Xử lý công nợ	4.004.477	24.208.807
Các khoản bị phạt	31.798.134	13.000.000
Các khoản chi phí khác	8.032.160	5.000.000
Cộng	243.834.771	42.208.807

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.467.791.060	172.389.066.685
Chi phí nhân công	70.530.483.777	54.231.251.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.505.211.865	25.454.310.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.996.646.323	54.596.426.347
Chi phí khác bằng tiền	16.684.466.540	11.006.111.722
Cộng	416.184.599.565	317.677.166.610

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	74.656.519.411	57.797.640.531
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	758.818.083	433.764.394
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(12.675.245.550)	(13.313.588.362)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	62.740.091.944	44.917.816.563
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	12.548.018.389	8.983.563.313
Điều chỉnh thuế của năm trước	-	28.538.892
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12.548.018.389	9.012.102.205

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: Chi phí khấu hao xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ và lợi nhuận từ công ty con...

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	27.685.916.384	-

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(17.685.916.384)	-

4.32. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
3. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con
4. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con
6. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Công ty cùng tập đoàn
7. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	7.877.368.648	2.867.226.157
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	1.939.162.089	6.158.540.587
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	13.370.000	50.451.500
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	9.829.900.737	9.076.218.244
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND

Trả trước người bán ngắn hạn- Xem thêm Mục 4.4

Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (*)	4.512.000.000	4.512.000.000
--	---------------	---------------

(*) Đây là khoản ứng trước cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 tại địa chỉ ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, với diện tích 9.129,8 m².

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.321.467.249	3.624.193.919
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đăk Nông	12.720.450.364	10.505.778.144
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	<u>18.041.917.613</u>	<u>14.129.972.063</u>
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu người lao động – Xem thêm Mục 4.5		
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng giám đốc (*)	4.600.000.000	-
(*) Đây là khoản phải thu từ ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 05, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông với diện tích 3.990 m ² , theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.		
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(13.066.840.115)	(8.931.640.163)
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	(46.163.939.596)	(33.395.112.135)
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	(11.479.631.610)	(8.954.726.930)
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đăk Nông	(40.461.120)	(135.153.700)
Cộng – Xem thêm Mục 4.12	<u>(70.750.872.441)</u>	<u>(51.416.632.928)</u>
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(15.002.602.990)	-
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	(16.979.840.318)	(38.337.720.318)
Cộng – Xem thêm Mục 4.13	<u>(31.982.443.308)</u>	<u>(38.337.720.318)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	8.190.453.451	9.932.519.993
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	163.194.444	255.609.091
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	4.573.757.539	2.609.899.222
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	3.558.982.179	10.969.909.049
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	-	69.963.640
Cộng – Xem thêm Mục 4.20	<u>16.486.387.613</u>	<u>23.837.900.995</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua hàng và sử dụng dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	3.686.959.628	461.353.870
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	17.558.814.905	14.858.847.495
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	11.778.524.368	10.569.727.483
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	718.526.000	1.148.407.941
Cộng	<u>33.742.824.901</u>	<u>27.038.336.789</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua tài sản cố định:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	180.000.000	454.545.455
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	2.963.300.000	2.743.216.667
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	7.497.273.330	7.116.128.982
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	2.214.672.220	3.454.242.713
Cộng – Xem thêm Mục 4.22	<u>12.675.245.550</u>	<u>13.313.588.362</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả cổ tức:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	6.490.086.000	6.490.086.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn:		
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	10.000.000	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mượn vốn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	2.126.840.860	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	1.100.000.000	453.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	430.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn An Thái – Phó chủ tịch HĐQT	660.000.000	60.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	430.000.000	50.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	430.000.000	10.000.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT	430.000.000	10.000.000
Ông Ngô Văn Minh – Thành viên HĐQT	430.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT	-	50.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	-	56.000.000
Cộng	3.910.000.000	759.000.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị tăng theo quyết định chi thù lao bổ sung năm 2021 tương ứng 10% lợi nhuận tăng thêm so với kế hoạch ĐHCĐ giao theo Nghị quyết số 01/2022 NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 23 tháng 04 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc	1.796.750.000	858.000.000
Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc	357.650.000	392.200.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	797.750.000	489.000.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	745.950.000	445.800.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	797.750.000	510.000.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	675.650.000	440.800.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	700.050.000	447.000.000
Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc	40.000.000	-
Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	378.450.000	-
Cộng	6.290.000.000	3.582.800.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác tăng là do lợi nhuận tăng dẫn đến quỹ lương kế hoạch dự kiến tăng.

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	63.474.000	63.474.000
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	52.900.000	105.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	9.500.000	20.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	41.600.000	38.300.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	-	500.130.000
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT	-	18.100.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	24.682.000	12.552.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	9.000	9.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	3.000	3.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	2.000	2.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	1.106.000	6.000
Ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc	83.000.000	-
Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc	-	1.750.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	600.000	-
Cộng	276.876.000	759.326.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.33. Thu nhập Bộ phận Kiểm toán nội bộ**

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Nguyễn Thị Ngọc Đức – Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ	214.750.000	-
Ông Trần Quang Thực – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	141.750.000	-
Bà Huỳnh Thị Quế Hương – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	130.750.000	-
Cộng	487.250.000	-

4.34. Thu nhập Ban kiểm soát

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Thủy Nga – Trưởng Ban Kiểm soát	330.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát	168.000.000	18.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	168.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phú – Thành viên Ban Kiểm soát	-	12.000.000
Cộng	666.000.000	60.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	100.130.000	-

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.

Phê duyệt

Người lập



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng